

BÀI 29

Kết quả cần đạt

- Hiểu được một số đặc điểm của sân khấu chèo truyền thống. Nắm được tóm tắt nội dung vở chèo **Quan Âm Thị Kính**; nội dung, ý nghĩa và một số đặc điểm nghệ thuật (mâu thuẫn kịch, ngôn ngữ, hành động nhân vật,...) của trích đoạn **Nổi oan hại chồng**.
- Nắm được cách dùng **dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy**.
- Nắm được đặc điểm của **văn bản đề nghị**: mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.

VĂN BẢN

QUAN ÂM THỊ KÍNH

Tóm tắt nội dung

Vở chèo(*) có thể chia làm ba phần:

1. Án giết chồng

Thiện Sĩ, con Sùng ông, Sùng bà, kết duyên cùng Thị Kính, con gái Mãng ông, một nông dân nghèo. Một hôm, vợ ngồi khâu, chồng đọc sách rồi thiu thiu ngủ bên cạnh. Thấy chồng có sợi râu mọc ngược, Thị Kính cầm dao khâu toan xén đi. Thiện Sĩ giật mình, bất giác hô hoán lên. Cha mẹ chồng đổ riệt cho Thị Kính có ý giết Thiện Sĩ, đuổi Thị Kính về nhà bố đẻ.



Quan Âm Thị Kính – tượng ở chùa Tây Phương

2. Ân hoàng thai

Bị oan ức nhưng không biết kêu vào đâu, Thị Kính giả trai, vào tu ở chùa Vân Tự, lấy pháp hiệu là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông, vốn tính lẳng lơ, say mê Kính Tâm. Ve vãn Kính Tâm không được, Thị Mầu về nhà đùa gheo, ăn nằm với anh Nô là người ở, rồi có thai. Làng bắt vạ. Bí thế, Thị Mầu khai cho Kính Tâm. Kính Tâm chịu oan, bị đuổi ra tam quan (cổng chùa). Thị Mầu đem con bỏ cho Kính Tâm.

3. Oan tình được giải – Thị Kính lên toà sen

Trải ba năm, Kính Tâm đi xin sữa từng ngày nuôi con của Thị Mầu. Rồi nàng "hoá", được lên toà sen, trở thành Phật Bà Quan Âm. Trước khi "hoá", Kính Tâm viết thư để lại cho đứa trẻ. Bấy giờ mọi người mới rõ Kính Tâm là gái và hiểu rõ tấm lòng từ bi nhẫn nhục của nàng.

Trích đoạn

NỖ OAN HẠI CHỒNG

Thiện Sĩ : (nói sử) Nàng ơi, đã bao lâu soi kính bóng quế⁽¹⁾
Ta dùi mài đợi hội long vân⁽²⁾
Đêm nay nghe mỗi một tâm thân
Mượn kỉ⁽³⁾ này ta nghỉ lưng một lát.

(Thị Kính dọn kỉ rồi ngồi quạt cho chồng. Thiện Sĩ thiu thiu ngủ. Một lát, Thị Kính chăm chú nhìn dưới cằm chồng, bấn khoăn.)

Thị Kính : (nói sử) Đạo vợ chồng trăm năm kết tóc,
Trước đẹp mặt chồng sau đẹp mặt ta.
Râu làm sao một chiếc trời ra ?
Dị hình sắc dưới cằm mọc ngược
Khi chàng thức giấc biết làm sao được.
Nay đang cơn giấc ngủ mơ màng,
Dạ thương chồng, lòng thiếp sao an
Ấu dao bén, thiếp xén tày một mực.

(Thị Kính cầm dao khâu xén chiếc râu. Thiện Sĩ chợt giật mình choàng thức dậy, hốt hoảng nắm lấy dao kêu lên.)

Thiện Sĩ : Hỡi cha ! Hỡi mẹ ! Hỡi xóm ! Hỡi làng !
Đêm hôm khuya khoắt bỗng làm sao thấy sự bất thường...

(Sùng ông, Sùng bà cùng hốt hoảng chạy ra.)

Sùng bà : Làm sao đấy hở ? Làm sao ?

Sùng ông : Bất thường làm sao ? Việc gì ban đêm không để xóm giềng ngủ.
Vợ chồng lại rầm rĩ lên như thế ?

Thiện Sĩ : (nói đêm)

Thưa cha mẹ, đêm qua con ngồi học đã khuya
Vừa chớp mắt thấy dao kia kê cổ.
Con nói đây, có quỷ thần hai vai chúng tỏ
Dầu thực hư đôi lẽ con chưa tường.

Sùng ông : Hú vía ! Kê cổ mày hay kê cổ ai hở con ?

Sùng bà : (gắt Sùng ông)

Thôi đi, lại còn kê cổ ai vào đây nữa ?
Cái con mặt sứa gan lim này ! Mày định giết con bà à ?

(Dúi đầu Thị Kính ngã xuống) Úi chao ! Tôi đã bảo ông mà !

Lấy vợ cho con thì phải kén họ. Tôi đã bảo là phải kén những nơi công hầu⁽⁴⁾
kia mà ! *(Múa hát sắp chợt)*

Giống phượng giống công⁽⁵⁾,
Giống nhà bà đây giống phượng giống công.
Còn tuồng bay mèo mả gà đồng⁽⁶⁾ lẳng lơ.
Chứ bây giờ bay mới lộ cái mặt ra,
Chứ bây giờ sao chẳng mở cái mồm ra ?

Thị Kính : (khóc) Lạy cha, lạy mẹ ! Chò con xin trình cha mẹ...

Sùng bà : Thôi câm đi ! Lại còn dám mở mồm nữa à ?

(Tiến lại phía Thiện Sĩ) Úi chao ! Hú hồn hú vía cho con tôi !

Giải kiếp ! Giải kiếp ! *(Quay lại Thị Kính)*

(Nói lệt) Cả gan ! Cả gan ! Cái con này thật cả gan !

May cho con tao sức tỉnh giấc vàng,
Tỉnh tỉnh tỉnh nữa còn gì mà không chết ?
Này con kia ! Mày có trót say hoa đấm nguyệt
Đã trên dâu dưới Bộc⁽⁷⁾ hện hò...

Thị Kính : (vật vã khóc) Giời ơi ! Mẹ ơi, oan cho con lắm mẹ ơi !

Sùng bà : (nói tiếp) Mày cứ thú với bà, bà cũng thứ đi cho.
Can chi phải dụng tình bất trắc⁽⁸⁾.
Mày ngửa mặt lên cho bà xem nào !

Sùng ông : Thì mày ngửa lên cho bà ấy xem !

(Thị Kính ngửa mặt rũ rượi.)

Sùng bà : (nói lệch) Ôi chao ơi là mặt !
Chém bổ bằm vằm xả xích mặt !
Gái say trai lập chí giết chồng ?

Thị Kính : Oan cho con lắm mẹ ơi !
Chàng học khuya mỗi mệ.
Con thấy râu mọc ngược dưới cằm...

Sùng bà : Lại còn oan à ?
Rõ rành rành mười mắt đều trông.
Phi mặt gái trơ như mặt thốt !

Sùng ông : Thì ra con Thị Kính này nó là gái giết chồng thật hở bà ?

Sùng bà : Úi giời ơi ! Chồng với con ! Ông chữa mở mắt được ra mà trông kia
kia (trỏ con dao dưới đất).

Lúc nào cũng rượi, lúc nào cũng say. Ăn nói thì lèm bèm lèm bèm...
...Này con kia ! Tam tông tứ đức⁽⁹⁾ nhà mày để ở đâu hở ?

(nói lệch) Sao mày không sợ gươm trời búa nguyệt⁽¹⁰⁾,
Cả gan thay cho bụng đàn bà,
Ngựa bất kham thôi phó về Bồng Báo⁽¹¹⁾.
Này, bà bảo cho mà hay này : đồng nát thì về Cầu Nôm⁽¹²⁾
Con gái nỏ mồm thì về ở với cha, biết không ?

(hát sấp) Lại nở ra rông
Trúng rông lại nở ra rông⁽¹³⁾
Liu điu lại nở ra dòng liu điu⁽¹⁴⁾.

(nói lệch) Này ! Nhà bà đây cao môn lệnh tộc⁽¹⁵⁾.
Mày là con nhà cua ốc

Cho nên chữ tam tòng mà ăn ở đơn sai
Chả công đâu bà đánh mắng cho hoài
Gọi Mãng tộc, phó về cho rảnh thôi ông ạ !
Ờ hay ! ... Thế ông vẫn ngồi chết ở đấy à ?

Sùng ông : Sao bà bảo tôi ngồi chết gì xuống đây thì tôi đừng ngồi à ?

Sùng bà : Không biết gọi Mãng tộc sang đây mà giao trả con Thị Kính kia đi.
Đẻ như vậy con mình có ngày chết oan vì nó đấy. Thôi ông đi đi !

Sùng ông : Ừ thì đi !

Thị Kính : (với *Thiện Sĩ*) Oan thiệp lắm chàng ơi !

Sùng bà : Thôi con vào rửa mặt mà đọc sách. Rồi đây mẹ lấy cho dăm vợ, tiếc
gì cái đồ sát chồng kia nữa !

Thị Kính : Mẹ xét tình cho con, oan con lắm mẹ ơi !

Sùng bà : Hãy còn oan à ? (với *Thiện Sĩ*) Đi ! Đi vào !

(*Thị Kính chạy theo van xin, Sùng bà dúm tay ngã khuyu xuống thì có tiếng
Sùng ông nói từ ngoài cổng.*)

Sùng ông : Ông Mãng ơi, ông sang mà ăn cỗ cháu !

Mãng ông : Đấy, tôi biết ngay mà ! Mạ già ruộng ngấu, không cắm cây mạ thì
thôi, chứ cắm là mọc ngay cây lúa cho mà xem.

Sùng ông : Ông khoe con ông nữ tặc nữ công⁽¹⁶⁾ nhỉ ?

Mãng ông : Vàng thì cháu đủ nữ tặc nữ công đấy chứ !

Sùng ông : Đây này ! (cầm con dao giơ vào mặt *Mãng ông*) Đang nửa đêm nó
cầm dao giết chồng đây này !

Mãng ông : Úi chao ! Thật thế hở ông ?

Sùng ông : Ông chưa mở mắt ra mà trông đấy à ? (*chỉ* *Thị Kính*) Đấy, con ông
đấy, ông đem về mà dạy bảo. Từ giờ trở đi, ông hãy bớt cái mồm mà khoe
khoang, nữ tặc với chả nữ công. Về đi !

Mãng ông : Ông ơi ! Ông cho tôi biết đầu đuôi câu chuyện với, ông ơi !

Sùng ông : Biết này !

(*Sùng ông dúm ngã* *Mãng ông* *rồi bỏ vào. Thị Kính chạy vội lại đỡ cha. Hai cha
con ôm nhau than khóc.*)

Mãng ông : Con ơi ! Con ăn ở ra sao mà nên nông nổi này hở con ?

Thị Kính : Cha ơi ! Oan cho con lắm cha ơi !

Mãng ông : Oan cho con lắm à ?

(*sử râu rồi vãn*) Con ơi ! Dù oan dù nhẫn chẳng oan
Xa xôi cha biết nổi con nhường nào !

Thôi sự tình về nhà nói cho cha mẹ biết. Dù oan, ngay, giờ biết kêu ai. Thôi đứng dậy về cùng cha, rồi cha liệu cho con. (*Thị Kính dẫn cha đi một quãng, Mãng ông quay lại*) Về cùng cha, con ơi !

(*Thị Kính đi theo cha mấy bước nữa, rồi dừng lại và thở than, quay vào nhìn từ cái ki đến sách, thúng khâu, rồi cầm lấy chiếc áo đang khâu dở, bóp chặt trong tay.*)

Thị Kính : (*hát sử râu*)

Thương ôi ! Bấy lâu sắt cầm tịnh hảo⁽¹⁷⁾

Bỗng ai làm chẵn gối lẻ loi.

Nghĩ trách mình phận hẩm duyên ôi

Cho nên nổi thế tình run rúi !

(*nói thảm*) Về cùng cha ! Có trở về như vậy

Cũng không sao tránh khỏi tiếng mỉa mai.

Không, không, phải sống ở đời mới mong tỏ rõ người đoan chính...

(*sử râu tiếp*) Con vọng bái nghiêm từ⁽¹⁸⁾ tôn kính,

Con tìm nơi khuất mặt cho xong.

Trách lòng ai nữ phụ lòng

Đang tay nữ bẻ phím đồng làm đôi

Nhật nguyệt rạng soi

Thấu tình chẳng nhẽ

Trước con lạy cha, sau con lạy mẹ

Thay áo quần giả dạng nam nhi

(*hát ba than*) Áo chít cài khuy

Nay tôi quyết tâm trá hình nam tử bước đi tu hành.

Cầu Phật tổ chứng minh.

(Thị Kính lặng lẽ bước ra khỏi nhà họ Sùng, hướng về phía chân trời chớm rạng đông thì màn từ từ khép lại.)

(Theo Đỗ Bình Trị – Hoàng Hữu Yên,
trong Văn tuyển văn học Việt Nam,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1983)

Chú thích

(★) *Chèo* : loại kịch hát, múa dân gian, kể chuyện, diễn tích bằng hình thức sân khấu và trước kia thường được diễn ở sân đình nên còn được gọi là *chèo sân đình*. Chèo nảy sinh và được phổ biến rộng rãi ở Bắc Bộ.

Tích truyện trong chèo được khai thác từ truyện cổ tích và truyện Nôm (*Quan Âm Thị Kính, Từ Thức gặp tiên, Trương Viên, Kim Nham, Tống Trân – Cúc Hoa,...*) xoay quanh trục *bĩ cực* (đau khổ, oan trái) – *thái lai* (tốt đẹp, yên vui). Chèo chú ý giới thiệu những mẫu mực về đạo đức, tài năng để mọi người noi theo. Bên cạnh việc cảm thông với số phận bi kịch của người lao động, người phụ nữ, đề cao phẩm chất và tài năng của họ, chèo còn châm biếm, đả kích trực tiếp và mạnh mẽ những điều bất công, xấu xa trong xã hội phong kiến đương thời.

Chèo có một số loại nhân vật truyền thống với những đặc trưng tính cách riêng như : *thư sinh* thì nho nhã, điềm đạm ; *nữ chính* : đức hạnh, nét na ; *nữ lệch* : lẳng lơ, bạo dạn ; *mụ ác* : tàn nhẫn, độc địa. *Hệ chèo* là những vai hài mang đến tiếng cười thông minh, hả hê và sâu sắc cho người xem. Nhân vật chèo khi bước ra sân khấu, đầu tiên phải tự xưng danh (xưng tên, họ, quê quán, nghề nghiệp, tính cách), sau đó mới bước vào diễn tích. Tính chất ước lệ và cách điệu của sân khấu chèo thể hiện rất cao qua nghệ thuật hoá trang, nghệ thuật hát, múa của các nhân vật. Chẳng hạn, nhân vật *lão* thì mặc áo điều, quần lụa bạch, vận động trên sân khấu theo đường gãy khúc và đường tròn, điệu đi giật cục, chân lảo đảo, thường hát điệu *binh tiếu*. Nhân vật *nữ chính* mặc áo hồng lông xa đen, vận động trên sân khấu theo góc vuông, đường thẳng, tư thế ngay thẳng, để quạt che kín áo, thường hát điệu *sử bằng*. Còn nhân vật *nữ lệch* : dáng cao ở thái dương, vận động theo đường lượn sóng khuếch đại quá mức, đảo mắt nhiều, dáng đi ưỡn ẹo, nhiều chuyển động đột ngột, thường hát điệu *cám giá, sắp chợt,...*

(1) *Soi kinh bóng quế* : ý nói chăm đọc sách để thi đỗ.

(2) *Hội long vân* : ý nói thi cử đỗ đạt (*long* : rồng, *vân* : mây, *hội* : gặp ; rồng mây gặp nhau).

(3) *Kỉ (tràng kỉ)* : ở đây là ghế kiêu cố, thường có chạm khắc hình để trang trí.

(4) *Công hầu* : tước công và tước hầu, *công hầu* là chỉ chung các chức tước cao trong triều đình phong kiến.

(5) *Phượng* (chim phượng hoàng) : chim tượng tượng ra, có hình thù như chim trĩ và được xem là chúa của loài chim ; *công* : chim quý hiếm, bộ lông màu lục ánh thép ; đuôi con trống dài, có nhiều màu sắc đẹp, có thể xoè thẳng đứng và xếp theo hình nan quạt. *Giống phượng giống công* : chỉ dòng giống giàu có, cao quý.

(6) *Mèo mả gà đồng* : mèo ở mả, gà ở đồng, chỉ loài vật hoang hoá, không phải là những giống vật nuôi trong nhà, thành ngữ này dùng để chỉ những kẻ vô lại, thiếu giáo dục, ma mãnh, bịp bợm.

(7) *Trên dâu dưới Bộc* (hoặc "dưới Bộc trên dâu") : chỉ những cuộc tình bất chính (những ruộng dâu ở bãi sông Bộc thuộc tỉnh Sơn Đông – Trung Quốc là chỗ ngày xưa trai gái nước Trịnh và nước Vệ thường hẹn hò nhau tình tự).

(8) *Bất trắc* : việc xấu xảy ra khó lường trước được. Ở đây chỉ tính chất đối trá, phản phúc.

(9) *Tam tông tứ đức* (*tam* : ba ; *tứ* : bốn) : thời phong kiến quan niệm phụ nữ phải *tam tông* ("tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử", tức là ở nhà phải theo (phụ thuộc) cha, lấy chồng phải theo chồng, chồng chết thì theo con trai) và có *tứ đức* ("công, dung, ngôn, hạnh", tức những tiêu chuẩn cần có về *công việc, dung nhan, lời ăn tiếng nói và đức hạnh*).

(10) *Gươm trời búa nguyệt* : chỉ sự trùng trị của ông trời (theo quan niệm mê tín).

(11) *Bông Bào* : tức thôn Bông Thượng thuộc huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hoá), một vùng đất văn vật thời xưa, ngựa bất kham thường được đưa về đây để thuần hoá.

(12) *Cầu Nôm* : thuộc huyện Văn Lâm (Hưng Yên) ngày nay, có nghề đúc đồng.

(13) *Trúng rồng lại nở ra rồng* : chỉ dòng dõi cao quý, giàu có, tiếp nối nhau.

(14) *Liu diu* : rắn nhỏ có nọc độc, sống ở ao hồ, ăn ếch nhái ; ở đây chỉ dòng giống hèn mọn, thấp kém.

(15) *Cao môn lệnh tộc* : chỉ nơi giàu có, quyền thế.

(16) *Nữ tắc nữ công* : (giỏi giang, gương mẫu về) công việc và đạo đức, theo quan niệm xưa đối với người phụ nữ.

(17) *Sắt cầm tinh hảo* : ý nói tình vợ chồng hoà hợp (*sắt, cầm* là hai thứ đàn cổ).

(18) *Nghiêm từ* : cha mẹ, nói một cách đầy đủ là *nghiêm phụ, từ mẫu* (quan niệm chung ngày xưa cho rằng người cha cần nghiêm khắc, người mẹ cần hiền từ).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kĩ tóm tắt nội dung vở chèo *Quan Âm Thị Kính*.

2. Đọc kĩ trích đoạn *Nỗi oan hại chồng* và các chú thích để hiểu văn bản và các từ ngữ khó.

3. Trích đoạn *Nỗi oan hại chồng* có mấy nhân vật ? Những nhân vật nào là nhân vật chính thể hiện xung đột kịch ? Những nhân vật đó thuộc các loại vai nào trong chèo và đại diện cho ai ?

4. Khung cảnh ở phần đầu trích đoạn là khung cảnh gì ? Qua lời nói và cử chỉ của Thị Kính ở đây, em có nhận xét gì về nhân vật này ?

5. Thảo luận ở lớp : Hãy liệt kê và nêu nhận xét của em về hành động và ngôn ngữ của Sùng bà đối với Thị Kính.

6. Trong trích đoạn, mấy lần Thị Kính kêu oan ? Kêu với ai ? Khi nào lời kêu oan của Thị Kính mới nhận được sự cảm thông ? Em có nhận xét gì về sự cảm thông đó ?

7. Thảo luận ở lớp : Trước khi đuổi Thị Kính ra khỏi nhà, Sùng bà và Sùng ông còn làm điều gì tàn ác ? Theo em, xung đột kịch trong trích đoạn này thể hiện cao nhất ở chỗ nào ? Vì sao ?

8. Qua cử chỉ và ngôn ngữ nhân vật, hãy phân tích tâm trạng Thị Kính trước khi rời khỏi nhà Sùng bà. Việc Thị Kính quyết tâm "trá hình nam tử bước đi tu hành" có ý nghĩa gì ? Đó có phải là con đường giúp nhân vật thoát khỏi đau khổ trong xã hội cũ không ?

Ghi nhớ

Vở chèo **Quan Âm Thị Kính** nói chung và trích đoạn **Nỗi oan hại chồng** nói riêng là vở diễn và trích đoạn chèo rất tiêu biểu của sân khấu chèo truyền thống. Vở chèo và trích đoạn này thể hiện được những phẩm chất tốt đẹp cùng nỗi oan bi thảm, bế tắc của người phụ nữ và những đối lập giai cấp thông qua xung đột gia đình, hôn nhân trong xã hội phong kiến.

LUYỆN TẬP

1. Tóm tắt ngắn gọn trích đoạn **Nỗi oan hại chồng**.
2. Thảo luận ở lớp : Nêu chủ đề của trích đoạn **Nỗi oan hại chồng**. Em hiểu thế nào về thành ngữ "Oan Thị Kính" ?